

Bản án số: **21** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bùi Thị Kim H** sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* **Lê Văn N** sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/11/1999. Vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N có người phụ nữ khác ở bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Người phụ nữ đó còn gửi ảnh vào máy điện thoại của cháu C, con của chị, để chị nộp cho Tòa án. Từ tháng 10/2021 anh N bỏ nhà đi lâu lâu mới về và vợ chồng không còn sinh hoạt vợ chồng từ đó cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh N, yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Quốc C sinh ngày 23/11/2000 và Lê Thị Mộng L sinh ngày 04/3/2004. Hiện 02 con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thừa nhận lời trình bày của chị H về quá trình sống chung, đăng ký kết hôn là đúng. Vào năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh có nhiều người phụ nữ khác bên ngoài và vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến tháng 11/2021, do anh làm nghề lái xe tải nên ngày đi ngày về và vợ chồng không còn sinh hoạt vợ chồng từ đó cho đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con, việc anh có người phụ nữ khác bên ngoài thì vợ con đã tha thứ, anh sẽ tạo niềm tin để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Quốc C sinh ngày 23/11/2000 và Lê Thị Mộng L sinh ngày 04/3/2004. Hiện 02 con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim H và anh Lê Văn N chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyển số 01 vào ngày 29/11/1999 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là anh có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến tháng 11/2021, vợ chồng không còn sinh hoạt vợ chồng từ đó cho đến nay.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau, chị H và anh N không còn sinh hoạt vợ chồng từ tháng 11/2021 cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, chung sống cùng nhau của vợ chồng. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và sống chung cùng nhau. Anh N là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Lê Quốc C sinh ngày 23/11/2000 và Lê Thị Mộng L sinh ngày 04/3/2004. Hiện 02 con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh N trình bày thống nhất là không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh N trình bày thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Bùi Thị Kim H được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. *Về con chung:* Hiện các con chung là Lê Quốc C sinh ngày 23/11/2000 và Lê Thị Mộng L sinh ngày 04/3/2004 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Bùi Thị Kim H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002995 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị H đã nộp xong án phí.

4. *Quyền kháng cáo:* Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị H được tính từ ngày tuyên án; đối với anh N được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi